

Công văn

Tiền Giang, ngày 08 tháng 06 năm 2018

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 2/2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa quý 2 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017:

CHỈ TIÊU	QUÝ 2/2018	QUÝ 2/2017	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.619.799.937.693	2.997.704.649.508	(377.904.711.815)	-13%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	39.101.783.898	23.427.395.296	15.674.388.602	67%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.580.698.153.795	2.974.277.254.212	(393.579.100.417)	-13%
4. Giá vốn hàng bán	2.464.084.271.308	2.810.343.532.760	(346.259.261.452)	-12%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.613.882.487	163.933.721.452	(47.319.838.965)	-29%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	(73.744.278.074)	39.609.309.615	(113.353.587.689)	-286%
7. Chi phí tài chính	110.072.379.122	143.621.192.627	(33.548.813.505)	-23%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	102.787.711.421	110.947.123.900	(8.159.412.479)	-7%
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(15.378.670.559)	(43.012.026.408)	27.633.355.849	-64%
9. Chi phí bán hàng	108.534.807.093	130.818.522.658	(22.283.715.565)	-17%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.512.527.208	72.034.150.874	(38.521.623.666)	-53%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(224.628.779.569)	(185.942.861.500)	(38.685.918.069)	21%
12. Thu nhập khác	6.392.382.147	1.830.509.945	4.561.872.202	249%
13. Chi phí khác	14.310.664.993	7.616.841.254	6.693.823.739	88%

CHỈ TIÊU	QUÝ 2/2018	QUÝ 2/2017	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
14. Lợi nhuận khác	(7.918.282.846)	(5.786.331.309)	(2.131.951.537)	37%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(232.547.062.415)	(191.729.192.809)	(40.817.869.606)	21%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.904.076.919	(5.378.159.559)	43.282.236.478	-805%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.612.934.050	(12.397.855.999)	14.010.790.049	-113%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(272.064.073.384)	(173.953.177.251)	(98.110.896.133)	56%
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(194.305.119.505)	(182.457.289.355)	(11.847.830.150)	6%
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(77.758.953.879)	8.504.112.104	(86.263.065.983)	-1014%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(875)	(805)	(70)	9%
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(875)	(805)	(70)	9%

Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 13% (tương ứng gần 378 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:
 - Doanh thu xuất khẩu thủy sản giảm gần 35 tỷ đồng;
 - Doanh thu nội địa thủy sản giảm 431 tỷ đồng;
 - Doanh thu bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (bã nành, bắp, lúa mì ...) giảm gần 120 tỷ đồng;
 - Doanh thu bán phụ phẩm giảm 149 tỷ đồng;
 - Quý 2 năm 2018 Công ty có thêm nguồn doanh thu từ thanh lý bất động sản gần 355 tỷ đồng;
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 29% (tương ứng 47 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:
 - Lợi nhuận gộp từ hoạt động thủy sản xuất khẩu giảm 67,5 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận gộp từ hoạt động thủy sản nội địa giảm 95 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi giảm 14 tỷ đồng;
 - Ngành nghề kinh doanh mới là chăn nuôi heo đang bị lỗ 55,6 tỷ đồng trong quý 2 năm 2018;
 - Quý 2 năm 2018 Công ty có thêm nguồn lợi nhuận từ thanh lý bất động sản gần 186 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 286% (tương ứng 113 tỷ đồng) chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá giảm 33 tỷ đồng và khoản hoàn nhập 79 tỷ đồng lãi thoái vốn Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thăng (HOSE: VTF) đã phát sinh trong quý 1 năm 2018.
- Chi phí tài chính giảm 23% (tương ứng 33,5 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:
 - Giảm chi phí lãi vay 8 tỷ đồng;
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm gần 30,5 tỷ đồng;
 - Quý 2 năm 2017 Công ty được hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư 5 tỷ đồng;
 - Giảm các chi phí giao dịch chứng khoán và các chi phí tài chính khác 1,5 tỷ đồng;
- Chi phí bán hàng giảm 17% (tương ứng 22 tỷ đồng) do Công ty đã giảm được chi phí hoa hồng môi giới cho các cá nhân và công ty môi giới khoảng 3,4 tỷ đồng (lượng hàng bán ra giảm), chi phí lương giảm 2 tỷ đồng do cắt giảm nhân sự, đồng thời tiết kiệm được một số chi phí bán hàng khác khoảng 15 tỷ đồng (trong đó chi phí cước tàu, chi phí vận chuyển nội địa giảm 3,6 tỷ đồng).

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 53% (tương ứng 38,5 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:
- Quý 2 năm 2018 Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, trong khi số trích lập của quý 2 năm 2017 là 15 tỷ đồng;
 - Quý 2 năm 2018 Công ty hạch toán khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi 4,8 tỷ
 - Các chi phí quản lý khác giảm khoảng 17 tỷ đồng.
7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2018 giảm 56% so với cùng kỳ năm 2017, tương đương giảm 98 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2 năm 2018 so với quý 2 năm 2017 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.



DƯƠNG NGỌC MINH

Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán